

**Biểu mẫu 06** ( kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD-ĐT ngày 27/12/2017 của Bộ GD-ĐT

Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp : Sở Giáo dục - Đào tạo Tp Hồ Chí Minh

Cơ sở giáo dục : **TRƯỜNG TH-THCS-THPT VĂN LANG**

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế năm học 2022-2023

Đơn vị : học sinh

| STT        | Nội dung                                                    | Tổng số        | Chia ra theo khối lớp |              |              |               |               |
|------------|-------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
|            |                                                             |                | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4         | Lớp 5         |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số học sinh</b>                                     | <b>492</b>     | <b>83</b>             | <b>92</b>    | <b>89</b>    | <b>113</b>    | <b>115</b>    |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh học 2 buổi / ngày</b>                        | <b>492</b>     | 83                    | 92           | 89           | 113           | 115           |
| <b>III</b> | <b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>            |                |                       |              |              |               |               |
| 1          | TỐT<br>( tỉ lệ so với tổng số )                             | 416<br>85%     | 80<br>96%             | 79<br>86%    | 70<br>79%    | 96<br>85%     | 91<br>79%     |
| 2          | ĐẠT<br>( tỉ lệ so với tổng số )                             | 76<br>15%      | 3<br>4%               | 13<br>14%    | 19<br>21%    | 17<br>15%     | 24<br>21%     |
| 3          | CẦN CỐ GẮNG<br>( tỉ lệ so với tổng số )                     |                |                       |              |              |               |               |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>                |                |                       |              |              |               |               |
| 1          | Hoàn thành xuất sắc<br>( tỉ lệ so với tổng số )             | 178<br>36.18%  | 71<br>85.5%           | 69<br>75.0%  | 38<br>42.7%  |               |               |
| 2          | Hoàn thành tốt<br>( tỉ lệ so với tổng số )                  | 85<br>17.28%   |                       |              | 5<br>5.6%    | 42<br>37.2%   | 38<br>33.0%   |
| 3          | Hoàn thành<br>( tỉ lệ so với tổng số )                      | 229<br>46.54%  | 12<br>14.5%           | 23<br>25.0%  | 46<br>51.7%  | 71<br>62.8%   | 77<br>67.0%   |
| 4          | Chưa hoàn thành<br>( tỉ lệ so với tổng số )                 | 0.00%          | 0.0%                  | 0.0%         | 0.0%         | 0.0%          | 0.0%          |
| <b>V</b>   | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                            |                |                       |              |              |               |               |
| 1          | Lên lớp<br>( tỉ lệ so với tổng số )                         | 492<br>100.00% | 83<br>100.0%          | 92<br>100.0% | 89<br>100.0% | 113<br>100.0% | 115<br>100.0% |
|            | <i>Trong đó</i>                                             |                |                       |              |              |               |               |
| b          | Hs được khen thưởng cấp trường<br>( tỉ lệ so với tổng số )  | 411<br>83.54%  | 83<br>100.0%          | 84<br>91.3%  | 71<br>79.8%  | 87<br>77.0%   | 86<br>74.8%   |
| c          | Hsinh được cấp trên khen thưởng<br>( tỉ lệ so với tổng số ) | 3<br>0.61%     | 0.0%                  | 0.0%         | 0.0%         | 0.0%          | 3<br>2.6%     |
| 2          | Ở lại lớp<br>( tỉ lệ so với tổng số )                       | 0.00%          | 0.0%                  | 0.0%         | 0.0%         | 0.0%          | 0.0%          |

Quận 5, ngày      tháng      năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Thái Hà*